

Bản án số: 175 /2023/ HNGĐ-ST
Ngày 27 - 11 - 2023
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Bằng.

-Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thế Khoa.

2. Bà Huỳnh Kim Phụng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 430/2023/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023, về việc “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Lệ T, sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 3 năm 2023 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Lệ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S tổ chức đám cưới năm 2017, đến năm 2019 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy

chứng nhận kết hôn ngày 09/7/2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 anh S đi làm và có quen người phụ nữ khác, vợ chồng xảy ra cãi vã. Chị về nhà mẹ ruột sinh sống cho tới nay, trong khoảng thời gian ly thân 02 năm anh S không về thăm con. Hiện tại chị không còn tình cảm với anh S chị yêu cầu ly hôn với anh S.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Đình T1, sinh ngày 27/10/2018 hiện đang chung sống cùng với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu T1.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

-Bị đơn anh Nguyễn Thanh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trong thời gian chung sống bên vợ anh phát hiện chị T có quen người khác, anh thấy buồn nên bỏ về quê của anh để sinh sống, trong khoảng thời gian ly thân anh có đề nghị chị T về quê anh sinh sống nhưng chị T không đồng ý. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly thân theo yêu cầu của của chị T.

Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu giải quyết. Trong trường hợp giao con cho chị T nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con anh đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

-Ý kiến của chị T tại phiên tòa: Chị yêu cầu được ly hôn, yêu cầu nuôi con. Chị xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

-Ý kiến của anh S tại phiên tòa: Đồng ý ly hôn với chị T, anh yêu cầu được nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa chị T rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T.

[2.]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S tiến đến hôn nhân được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45 cấp ngày 09/7/2019. Do đó hôn nhân của chị T và anh S là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị T và anh S thừa nhận trong thời gian chung sống giữa anh chị có những bất đồng, không tin tưởng lẫn nhau nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Tình cảm của anh chị không còn nên chị T yêu cầu ly hôn, anh S cũng đồng ý theo yêu cầu của chị T. Do đó yêu cầu của chị T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4]. Về con chung: Từ khi sinh ra đến thời điểm hiện tại cháu T1 do chị T nuôi dưỡng, thời gian vợ chồng sống ly thân chị T cũng là người nuôi dưỡng cháu T1. Chị T có nguyện vọng được nuôi con, để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý và môi trường sống thay đổi nên tiếp tục giao cháu T1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Đình chỉ yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn.

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Lệ T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Đình T1, sinh ngày: 27/10/2018 cho chị Trần Thị Lệ T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thanh S có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

4. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Buộc nguyên đơn nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai số 0005307 ngày 02 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

6. Quyền kháng cáo: Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- UBND xã Long Phước, Long Hồ, Vĩnh Long;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án. /.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Công Bằng